

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**  
**Năm học 2025 - 2026**

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục Phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;*

*Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/08/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về Đột phá phát triển Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Kế hoạch số 114/KH-SGDĐT ngày 20/8/2025 của Sở GDĐT về tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục Mầm non, Tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2025-2030;*

*Căn cứ Quyết định số: 629/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025- 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Công văn số 625/SGDĐT-GDTrH ngày 19/8/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025 - 2026;*

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường TH&THCS Đắc Tăng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026, cụ thể như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Năm học 2025-2026, là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP

ngày 18/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91 KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29 NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đây cũng là năm học cả nước triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Luật Nhà giáo; Nghị quyết của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ em từ 3 đến 5 tuổi. Năm đầu tiên cả nước thực hiện mô hình chính quyền hai cấp, đặc biệt việc sáp nhập tỉnh, sáp nhập các xã, bỏ cấp huyện, phòng GD đang tạo ra những thách thức không nhỏ trong quản lý giáo dục.

Tiếp tục chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất, đặc biệt là năng lực đổi mới và sáng tạo của người học. Đẩy mạnh việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phục vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo.

Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Kế hoạch số 336-KH/TU, Kế hoạch số 359-KH/TU của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 51/KH-UBND, Quyết định số 327/QĐ-UBND của UBND tỉnh đảm bảo kịp thời, có hiệu quả theo đúng lộ trình và nhiệm vụ đề ra; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới và mở rộng hợp tác nghiên cứu nhằm giúp ngành giáo dục thích ứng linh hoạt với sự phát triển công nghệ, nâng cao hiệu quả giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, nền nếp trong nhà trường; bảo đảm an toàn trường học, thân thiện, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục; tăng cường giáo dục thể chất, chăm sóc sức khỏe học đường, y tế trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

## **1. Môi trường bên ngoài**

### **a. Thời cơ**

Đảng và Nhà nước đã có chủ trương về chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Sự vào cuộc mạnh mẽ của toàn hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương trong thực hiện đổi mới toàn diện GD&ĐT và nhất là thực hiện Chương

trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện chương trình đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

Sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã Măng Đen; sự đồng thuận của Cha mẹ học sinh trong toàn trường. Đời sống kinh tế của nhân dân dần dần ổn định, sự nghiệp giáo dục được quan tâm.

Chương trình GDPT 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường trong việc chọn lựa nội dung, xây dựng kế hoạch chuyên môn.

Công nghệ thông tin và các công nghệ khác không ngừng phát triển với các phần mềm tiện ích hỗ trợ cho việc quản lý và dạy học ngày càng tốt hơn.

### **b. Thách thức**

Yêu cầu ngày càng cao của xã hội về chất lượng giáo dục trong thời đại CNH-HĐH đất nước.

Yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo ngày càng cao cũng phần nào tạo áp lực đến đội ngũ giáo viên.

Sự thay đổi trong quan điểm quản lý nhà trường chuyển từ quản lý trường học sang quản trị trường học và mục tiêu giáo dục cấp trung học cơ sở chuyển từ truyền thụ kiến thức, kỹ năng sang định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

Quyền tự chủ của nhà trường được giao nhiều hơn nên đòi hỏi công tác quản trị của nhà trường phải đầu tư nhiều hơn;

Tình hình chính trị-xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, mặt trái của cơ chế thị trường ảnh hưởng đến ngành giáo dục nói chung và nhà trường nói riêng.

## **2. Môi trường bên trong**

### **a. Thuận lợi**

- Nhà trường được sự quan tâm tạo điều kiện của Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện Kon Plông, sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kon Plông; sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan, ban ngành trên địa bàn huyện và Đảng ủy chính quyền địa phương.

- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, thường xuyên được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Hầu hết các giáo viên đều biết ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

- Chất lượng giảng dạy của nhà trường dần được nâng cao qua từng năm, tạo niềm tin trong tập thể sư phạm và sự tin nhiệm của phụ huynh học sinh.

- Nội bộ nhà trường đoàn kết, uy tín nhà trường được khẳng định và ngày càng có sức lan tỏa, tạo sự đồng thuận, tin tưởng của cha mẹ học sinh từ đó thu hút được nhiều nguồn lực xã hội tham gia đóng góp xây dựng nhà trường.

- Hạ tầng CNTT cơ bản đáp ứng cho các hoạt động dạy học, quản lý; thông tin, báo cáo.

### **b. Khó khăn**

- Trường đóng chân trên địa bàn xã vùng núi, vùng sâu, vùng xa địa hình bị cắt xẻ phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, sự phân bố dân cư không đồng đều, nhận thức văn hoá xã hội của người dân còn nhiều hạn chế. Đa số học sinh sử dụng ngôn ngữ giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu bài học bằng tiếng phổ thông.

- Hầu hết giáo viên còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm nhiều trong giảng dạy và công tác giáo dục cho nên kết quả giáo dục đôi lúc chưa đạt được như mong muốn, việc duy trì sĩ số gặp nhiều khó khăn, vẫn còn tình trạng học sinh nghỉ học giữa chừng.

- Điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, tỷ lệ học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao dẫn đến nhiều phụ huynh học sinh chưa quan tâm, đầu tư đúng mức đến việc học tập của con em. Một số em phải vừa đi học vừa đi làm để phụ giúp gia đình. Thông tin về áp dụng chương trình GDPT mới ít được CMHS quan tâm.

- Kinh phí hoạt động hàng năm từ nhà nước cấp chủ yếu là dùng để chi lương cho giáo viên, kinh phí chi khác rất hạn chế nên việc mua sắm và trang bị trang thiết bị để đáp ứng chương trình GDPT năm 2018 là không đảm bảo yêu cầu.

- Chất lượng đầu vào thấp, phần lớn các học sinh bị hồng kiến thức cơ bản từ cấp dưới, một số học sinh thiếu ý thức trong học tập và rèn luyện, còn tỏ ra chây lười trước sự động viên, khuyến khích của thầy cô giáo.

- Ý thức về rèn luyện đạo đức của một số em học sinh chuyển biến còn chậm. Vẫn còn học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình.

- Một vài giáo viên mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn chậm đổi mới trong phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

### **3. Thực trạng nhà trường**

- Đội ngũ CBQL, GV bậc Tiểu học:

+ Tổng số biên chế được giao: 17 người

+ Tổng số CBQL, GV, nhân viên hiện có: 17 người

STT	Đối tượng	Số lượng	Nữ	DTTS	Đạt chuẩn đào tạo trở lên	Quản Lý GD	Trung cấp LLCT trở lên	Biết tiếng DTTS tại chỗ	Ghi chú
1	CBQL	1	0	0	1	1	1	0	
2	GV	16	11	9	15	0	0	9	

3	NV	0	0	0	0	0	0	0	
Cộng		17	11	9	16	1	1	9	

- Đội ngũ CBQL, GV bậc THCS:

+ Tổng số biên chế được giao: 20 người

+ Tổng số CBQL, GV, nhân viên hiện có: 19 người<sup>(1)</sup>

STT	Đối tượng	Số lượng	Nữ	DTTS	Đạt chuẩn đào tạo trở lên	Quản Lý GD	Trung cấp LLCT trở lên	Biết tiếng DTTS tại chỗ	Ghi chú
1	CBQL	2	0	0	2	2	2	0	
2	GV	15	8	6	14	0	0	6	
3	NV	2	1	1	2	0	0	0	
Cộng		19	9	6	18	2	2	6	

- Cơ cấu về trình độ đào tạo

+ Bậc Tiểu học

Đội ngũ CBQL, GV, NV	Số lượng	Giới tính		Số lượng							Ghi chú
		Nam	Nữ	Độ tuổi				Trình độ			
				Dưới 25	25-35	35-45	Trên 45	TC	CD	ĐH	
- CBQL	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	
Hiệu trưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Phó hiệu	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	
- Giáo viên	16	6	10	4	8	3	2	0	1	15	
Thử dạy	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	
Âm nhạc	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	
Ngoại ngữ 1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1	
Tin học &	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	
Đa môn	13	5	8	4	7	0	2	0	2	11	

+ Bậc THCS:

Đội ngũ CBQL, GV, NV	Số lượng	Giới tính		Số lượng							Ghi chú
		Nam	Nữ	Độ tuổi				Trình độ đào			
				Dưới 25	25-35	35-45	Trên 45	TC	CD	ĐH	
- CBQL	2	2	0	0	0	1	1	0	0	2	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	
Phó hiệu	1	1	0	0	0	0	1	0	0	1	
- Giáo viên	16	8	8	2	7	6	1	0	1	15	
Ngữ văn	2	0	2	0	1	1	0	0	0	2	
Toán	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1	
Mỹ thuật	1	1	0	0	0	1	0	0	1	0	
Thử dạy	2	1	1	0	1	1	0	0	0	2	

<sup>(1)</sup> Bao gồm 02 CBQL, 14 Giáo viên biên chế, 02 Giáo viên hợp đồng và 01 nhân viên Kế toán.

Âm nhạc	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1	
Ngoại ngữ 1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1	
GDCD	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	
Lịch sử và địa lý	Lịch	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1
	Địa lý	1	1	0	0	1	0	0	0	0	1
Khoa học tự nhiên	Vật lý	1	0	1	0	0	0	1	0	0	1
	Hóa	1	0	1	0	1	0	0	0	0	1
	Sinh										
Công nghệ	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1
Tin học	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1
- Nhân viên	2	1	1	0	0	1	1	1	1	0	1

- Cơ sở vật chất:

+ Về diện tích đất ở các điểm trường

TT	Tên điểm trường	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Khối phòng chức năng			
		Tổng Diện tích	Diện tích sân chơi, bãi tập	Phòng học	Phòng tin	Phòng Anh văn	Thư viện
1	Điểm chính	11081 m <sup>2</sup>	600 m <sup>2</sup>	315 m <sup>2</sup>	56 m <sup>2</sup>	56 m <sup>2</sup>	56 m <sup>2</sup>
2	Vi Ring	1000 m <sup>2</sup>	100 m <sup>2</sup>	84 m <sup>2</sup>	-	-	-
3	Rô Xia	795,9 m <sup>2</sup>	70 m <sup>2</sup>	126 m <sup>2</sup>	-	-	-
4	Vi Rơ Ngheo	451,5 m <sup>2</sup>	40 m <sup>2</sup>	84 m <sup>2</sup>	-	-	-
5	Đắk Pờ Rồ	567,4 m <sup>2</sup>	40 m <sup>2</sup>	126 m <sup>2</sup>	-	-	-
Tổng		13895,8 m <sup>2</sup>	950 m <sup>2</sup>	820 m <sup>2</sup>	56 m <sup>2</sup>	56 m <sup>2</sup>	56 m <sup>2</sup>

+ Có 01 khu hiệu bộ bao gồm (01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 02 phòng làm việc của phó hiệu trưởng, 01 phòng hội đồng, 01 phòng văn phòng, tổng hợp, 01 phòng phổ cập, 01 phòng đoàn đội)

+ Có 22 phòng học bao gồm 17 phòng học dành cho học sinh Tiểu học<sup>(2)</sup> và 05 phòng dành cho học sinh THCS, 01 phòng y tế học đường, 01 phòng đọc sách, 01 phòng thư viện thiết bị với 270 bộ bàn ghế học sinh, 15 bàn đen, 15 bàn giáo viên.

+ Phòng vi tính có tổng số 54 bộ máy vi tính phục vụ cho việc học tập của học sinh.

+ Khu phòng ở của học sinh có tổng số 27 phòng và 40 giường tầng.

+ Có 10 ti vi và 02 máy chiếu trang bị tại các phòng học.

+ Có 01 hệ thống loa kết hợp âm ly.

+ Có 04 máy in, 02 máy photocopy.

Nhìn chung cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ tốt và hiệu quả cho công tác

<sup>(2)</sup> Bao gồm cả điểm trường chính và các điểm thôn bao gồm Vi ring, Đắk Tăng, rô Xia, Vi rơ ngheo và Đắk Pờ.

dạy học cũng như công tác ăn, ở, sinh hoạt của học sinh bán trú.

- Về học sinh:

Tổng số học sinh toàn trường 305 học sinh<sup>(3)</sup> chia ra

+ Tiểu học

STT	Khối lớp	Số lớp	Số HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Ghi chú
1	1	1	26	15	26	15	
2	2	5	36	21	36	21	
3	3	2	38	18	36	18	
4	4	2	38	22	37	22	
5	5	1	33	13	30	11	
Tổng		11	171	89	165	87	

+ THCS

STT	Khối lớp	Số lớp	Số HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Ghi chú
1	6	1	36	18	35	16	
2	7	1	32	12	30	11	
3	8	1	27	16	27	16	
4	9	2	39	15	39	15	
Tổng		5	134	61	131	58	

## II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

### 1. Mục tiêu chung

Thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Phát huy tính chủ động, sáng tạo của tổ chuyên môn và giáo viên trong việc thực hiện chương trình; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp giáo dục và đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường; bảo đảm tính dân chủ, thống nhất giữa các tổ chuyên môn và các tổ chức đoàn thể, phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Toàn thể Hội đồng sư phạm và học sinh quyết tâm xây dựng nhà trường thành nơi giúp học sinh phát triển toàn diện và trở thành những con người hạnh phúc. Tiến tới xây dựng nhà trường trở thành trường học hạnh phúc.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018

<sup>(3)</sup>Tổng số học sinh toàn trường 305 em trong đó bậc Tiểu học 171 em, THCS là 134 em.

(CT GDPT 2018); triển khai dạy học 2 buổi/ngày phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý; có giải pháp phù hợp, kịp thời để phối hợp, hỗ trợ, tham mưu chính quyền địa phương cấp xã thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

- Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Tập trung nâng cao chất lượng mũi nhọn, chất lượng đại trà, đặc biệt là chất lượng tuyển sinh vào THPT.

- Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh;

- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kĩ thuật tích cực;

- Đổi mới phương thức đánh giá học sinh; tích cực đổi mới nội dung, phương thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương;

- Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

## **2.1. Đối với học sinh**

### **a. Tiểu học**

- Huy động 100% số HS trong độ tuổi trên địa bàn xã ra lớp và trẻ 6 tuổi ra học lớp 1. Duy trì sĩ số HS đến cuối năm học đạt 100%. Duy trì công nhận phổ cập giáo dục tiểu học, hạn chế khắc phục tình trạng học sinh đi học không chuyên cần, bỏ học giữa chừng để không ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

- 100% học sinh học 02 buổi/ngày, 09 buổi/tuần; 100% học sinh khối lớp 3, 4, 5 được học môn Tiếng Anh, Tin học.

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi;

biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh lớp 1 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- Có từ 98% trở lên học sinh các lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 100% học sinh được tăng cường tiếng Việt thông qua hoạt động trải nghiệm trong đó có một số nội dung được tích hợp trong các môn học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống với hình thức tích hợp trong môn học, bài học, thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm thực tế.

- 100% học sinh dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt thông qua hoạt động trải nghiệm.

#### **b. THCS**

- Duy trì sĩ số học sinh hàng ngày đạt 99% trở lên. Phần đầu đến cuối năm học không có tình trạng sinh bỏ học giữa chừng.

- Tuyển sinh học sinh đầu cấp đảm bảo 100%

- 100% HS có kết quả rèn luyện từ Đạt trở lên, trong đó Khá, Tốt chiếm 98% trở lên.

- Kết quả học tập cuối năm: Tốt 10-20%; Khá: 20-40% trở lên; tỉ lệ học sinh chưa Đạt chiếm không quá 2%.

- Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 98% trở lên đối với các khối 6, 7, 8. Học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%..

- Tỷ lệ học sinh lên lớp sau kiểm tra lại đạt trên 99%.

- 100% học sinh cuối cấp được tư vấn giáo dục hướng nghiệp, tỉ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS thi đỗ vào các trường THPT đạt tỉ lệ trên 80%, 15-20% còn lại tham gia học các trường đào tạo nghề kết hợp học văn hóa.

#### **2.2. Đối với giáo viên**

- 100% giáo viên thực hiện đúng chương trình; kế hoạch bài dạy được tổ và lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

- 100% giáo viên soạn giảng đầy đủ và có chất lượng theo hướng đổi mới. Thực hiện việc chấm trả bài đúng qui định.

- 100% giáo viên thực hiện việc cập nhật điểm học sinh lên hệ thống Vnedu đúng theo quy định.

- 100% giáo viên có đủ hồ sơ theo quy định, trong đó 90% xếp loại khá tốt trở lên.

- 100% giáo viên biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học.

- 100% CB, GV, NV chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- 100% CB, GV, NV thực hiện tốt nội qui, qui chế hoạt động của nhà trường, có ý thức giữ gìn đoàn kết nội bộ.

- 100% CB, GV, NV có quan hệ chuẩn mực, thân thiết và có tinh thần giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp, tôn trọng học sinh, gần gũi với CMHS.

- 100% CB, GV, NV chấp hành tốt sự phân công của lãnh đạo nhà trường, nghỉ dạy phải xin phép, lên lớp đúng giờ, không vào trễ, ra sớm; tham gia đầy đủ các hoạt động chung của nhà trường.

- 100% CB, GV, NV được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- 100% GV tham gia đầy đủ các đợt sinh hoạt chuyên môn do ngành và trường tổ chức.

- Không có CB, GV, NV vi phạm kỷ luật. 100% CB, GV, NV thực hiện tốt các cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa và xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

- 20% CB, GV, NV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

### **2.3. Đối với đoàn thể và tổ chức khác**

- Chi bộ xếp loại: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đội TNTP HCM: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Chi đoàn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

### **2.5. Đối với tập thể nhà trường**

- Danh hiệu thi đua: Tập thể lao động Xuất sắc.

- Chiến sĩ thi đua cấp Tỉnh: 01

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 10

- Lao động tiên tiến: 36.

## **III. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

### **1. Chương trình giáo dục chính khoá**

#### **- Chương trình Tiểu học**

TT	Môn học Hoạt động giáo dục Bắt buộc	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5		
		Cả năm	HK1	HK2	Cả năm	HK1	HK2	Cả năm	HK1	HK2	Cả năm	HK1	HK2	Cả năm	HK1	HK2
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo Đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

4	Khoa học/ TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
5	Lịch Sử & Địa Lí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	36	34	70	36	34
6	Âm Nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
7	Mĩ Thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
8	Thể dục/ GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	HĐNG/ HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
10	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	-	-	-	-	-	-	140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	Tin học/công nghệ	-	-	-	-	-	-	70	36	34	70	36	34	70	36	34
<b>Tổng cộng</b>		875	450	425	875	450	425	980	504	476	1050	540	510	1050	540	510
<b>Số tiết trung bình/tuần (Cả năm học)</b>		<b>25 tiết/tuần</b>			<b>25 tiết/tuần</b>			<b>28 tiết/tuần</b>			<b>30 tiết/tuần</b>			<b>30 tiết/tuần</b>		

## 2. Chương trình giáo dục THCS

STT	Môn học Hoạt động giáo dục Bắt buộc	Số tiết học từng môn											
		Khối 6			Khối 7			Khối 8			Khối 9		
		HK I	HK II	CN	HK I	HK II	CN	HK I	HK II	CN	HK I	HK II	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	Toán học	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
3	Tiếng Anh	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	Giáo dục công dân	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
5	Lịch sử và Địa lý	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
6	Khoa học tự nhiên	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	18	34	52	18	34	52
8	Tin học	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
9	Giáo dục thể chất	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	Nghệ thuật	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
11	Trải nghiệm, hướng nghiệp	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
12	ND Giáo dục địa phương	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35

Tổng cộng	522	493	1015	522	493	1015	522	510	1032	522	510	1032
<b>Số tiết trung bình/tuần (Cả năm học)</b>	<b>1015/35 tuần = 29 tiết</b>			<b>1015/35 tuần = 29 tiết</b>			<b>1032/35 tuần = 29,5 tiết</b>			<b>1032/35 tuần = 29,5 tiết</b>		

### **3. Kế hoạch dạy học Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và Nội dung giáo dục địa phương**

a) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở mỗi khối lớp được bố trí 03 tiết chính khoá mỗi tuần

b) Nội dung giáo dục địa phương được thực hiện theo điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo đúng với hướng dẫn của Sở Giáo dục.

### **4. Chương trình và nội dung dạy 2 buổi/ngày**

- Tiểu học:

Buổi 1: Bố trí thời khóa biểu khoa học: 9 buổi/tuần (32 tiết/tuần), mỗi ngày không quá 7 tiết; buổi 1 bố trí các môn học chính khóa; buổi 2 bố trí thêm một số môn học trong chương trình và nội dung củng cố kiến thức, nội dung tăng cường phát triển tiếng Việt, các hoạt động bổ trợ.

Buổi 2: Củng cố kiến thức; văn hóa, nghệ thuật; STEM/STEAM; văn hóa đọc; kỹ năng sống; giáo dục tài chính; an toàn giao thông; năng lực số/AI; thể thao; tìm hiểu lịch sử – văn hóa địa phương. (Lồng ghép nội dung vào tiết hoạt động tập thể, tiết HĐTN), chỉ đạo xây dựng lồng ghép các nội dung một cách phù hợp, linh hoạt, đảm bảo không gây quá tải, áp lực học học sinh và giáo viên).

- THCS:

+ Buổi 1: Thực hiện chương trình GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành GDPT năm 2018 và Chương trình phụ đạo.

+ Buổi 2: Thực hiện chương trình GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành GDPT năm 2018 và Chương trình phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông; bồi dưỡng học sinh giỏi; tổ chức ôn tập để học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10 đối với lớp 9; giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm; giáo dục STEM/STEAM, CLB thể thao, văn hóa, nghệ thuật, Tiếng anh...

#### **4.1. Tổ chức ôn tập, phụ đạo học sinh chưa đạt theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông**

##### **a. Tiểu học**

- Thời gian thực hiện: Phụ đạo lồng ghép trong các tiết học, các tiết hoạt động tập thể, tiết tự học.

- Đối tượng học sinh được hỗ trợ đặc biệt yêu cầu GVCN ký cam kết bằng biên bản giao khoán chất lượng với nhà trường, hằng tháng giáo viên có sự theo dõi, đánh giá sự tiến bộ của học sinh.

- Nội dung:

+ GVCN cũng như GVBM lập danh sách học sinh CHT trên cơ sở đó Phó Hiệu trưởng chuyên môn phụ trách bậc tiểu học phân công cho GV xây dựng kế hoạch phụ đạo cho HS.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch phụ đạo, phân công GV dạy.

+ Trực tiếp theo dõi, kiểm tra công tác phụ đạo;

+ Tổ chuyên môn theo dõi kết quả tiến bộ của HS ở các môn học qua từng học kỳ, có giải pháp hỗ trợ GV phụ đạo HS.

+ Đối với GV phụ đạo lập danh sách HS, theo dõi sự tiến bộ của các em từ ý thức và qua kết quả học tập trong các giờ học. GV bộ môn có trách nhiệm phối hợp với GVCN và gia đình HS thường xuyên động viên, khuyến khích các em, tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng HS không chịu học tập, chây lười, ...

+ GVCN, GVBM theo dõi sát, hướng dẫn phương pháp học tập, tổ chức truy bài đầu giờ, phối hợp chặt chẽ với PHHS để kịp thời giúp đỡ các em tiến bộ; thực hiện đôi bạn cùng tiến, nhóm bạn học tập, vòng tay bè bạn, ... Phản ánh kịp thời tình hình của lớp, của HS cho PHT để có biện pháp phụ đạo cho các em hiệu quả hơn.

- Phân công thực hiện (Có phụ lục đính kèm)

### **b. THCS**

- Thực hiện phụ đạo các môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, KHTN.

- Nội dung:

+ Tiến hành rà soát, phân loại học sinh chưa đạt theo từng môn học.

+ Xây dựng kế hoạch phụ đạo riêng cho từng nhóm học sinh, tập trung vào những kiến thức, kỹ năng cơ bản mà học sinh còn hạn chế.

+ Phân công giáo viên có tinh thần trách nhiệm, kiên trì, tận tâm trực tiếp giảng dạy.

+ Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng gợi mở, lấy học sinh làm trung tâm; kết hợp động viên, khích lệ để tạo hứng thú học tập.

+ Thực hiện kiểm tra thường xuyên, đánh giá sự tiến bộ, báo cáo kết quả với BGH.

- Phân công thực hiện

<b>Khối</b>	<b>Môn</b>	<b>Phân công GV</b>	<b>Số tiết /tuần/lớp</b>	<b>Số học sinh tham gia</b>	<b>Số lớp</b>
	Toán	Trần Thị Thanh Hiền	2	32	01
	Ngữ Văn	Đinh Thị Ly	2	32	01

6	Tiếng anh	Nguyễn Thị Huyền	1	32	01
	KHTN	Nguyễn Thị Thu Hà Lê Hồng Sơn	1	32	01
7	Toán	Trần Thị Thanh Hiền	2	36	01
	Ngữ Văn	Đinh Thị Ly	2	36	01
	Tiếng anh	Nguyễn Thị Huyền	1	36	01
	KHTN	Nguyễn Thị Thu Hà Lê Hồng Sơn	1	36	01
8	Toán	Trần Thị Thanh Hiền	2	27	01
	Ngữ Văn	Đinh Thị Ly	2	27	01
	Tiếng anh	Nguyễn Thị Huyền	1	27	01
	KHTN	Nguyễn Thị Thu Hà Lê Hồng Sơn	1	27	01
9	Toán	Trần Thị Thanh Hiền	4	39	02
	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Tú	4	39	02
	Tiếng anh	Nguyễn Thị Huyền	2	39	02
	KHTN	Nguyễn Thị Thu Hà Lê Hồng Sơn	2	39	02

#### **4.2. Bồi dưỡng học sinh khá giỏi**

- Thực hiện việc bồi dưỡng học sinh giỏi các môn KHTN, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHKT, giải toán bằng máy tính cầm tay, Olympic tiếng Anh.

- Nội dung:

+ Tổ chức khảo sát, phát hiện, lựa chọn học sinh có năng lực nổi trội ở từng môn học.

+ Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cụ thể cho từng nhóm đối tượng học sinh giỏi, phù hợp với điều kiện của nhà trường, đồng thời bám sát theo định hướng theo cấu trúc đề thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh do Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi<sup>4</sup>

+ Phân công giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng tham gia giảng dạy, bồi dưỡng.

+ Nội dung bồi dưỡng bám sát chương trình giáo dục phổ thông, đồng thời mở rộng, nâng cao kiến thức, kỹ năng nhằm phát triển năng lực tư duy và khả năng vận dụng sáng tạo.

<sup>4</sup> Công văn số 1219/SGDĐT-GDTrH ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi V/v ban hành cấu trúc đề thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh năm học 2025-2026.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng định kỳ để điều chỉnh nội dung và phương pháp bồi dưỡng.

+ Thời gian thực hiện: Thực hiện bồi dưỡng từ ngày 15/9/2025. Riêng khối lớp 9 bồi dưỡng đến khi học sinh đi dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh (nếu có).

- Phân công giáo viên thực hiện:

TT	Môn	Phân công GV	Khối	Số tiết/tuần	Số HS tham gia	Ghi chú
1	Toán	Trần Thị Thanh Hiền	6	4	2	MTCT
2	KHTN (Sinh học)	Lê Hồng Sơn	9	2	2	
3	KHTN (Vật lý)	Nguyễn Thị Thu Hà	9	2	2	
4	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Tú	9	3	4	
5	Ngữ Văn	Đinh Thị Ly	7,8	3	4	
6	Anh Văn	Nguyễn Thị Huyền	8	3	6	

#### 4.3. Hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT

- Thực hiện việc hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu KHKT dành cho học sinh các khối lớp 8,9.

- Thời gian: Từ tháng 9/2025 đến tháng 1/2026

- Nội dung:

+ Tổ chức cuộc thi KHKT cấp trường chọn dự án dự thi cấp xã, tỉnh.

+ Khuyến khích học sinh toàn trường nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật, công nghệ và vận dụng kiến thức các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Góp phần đổi mới hình thức và tổ chức dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Hình thức: Lập dự án và nghiên cứu

- Phân công thực hiện:

TT	Phân công GV	Khối	Số tiết/tuần	Số HS tham gia	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Đồng	8,9	3	2	
2	Lương Văn Trung	8	3	2	
3	Nguyễn Thị Thu Hà	8,9	2	2	
4	Lê Hồng Sơn	8,9	2	2	
5	A Tuyên	8,9	3	2	

#### 4.4. Ôn tập cho học sinh chuẩn bị thi tuyển sinh 10 (Toán, Văn, Anh)

- Thời gian: Việc ôn tập được sắp xếp khoa học, hợp lý, đảm bảo vừa sức học sinh nhưng vẫn đạt hiệu quả.

- Nội dung:

+ Xây dựng kế hoạch ôn tập chi tiết theo từng giai đoạn (ôn tập củng cố, hệ thống kiến thức; ôn luyện nâng cao, rèn kỹ năng làm bài; tổ chức thi thử).

+ Phân công giáo viên giảng dạy ôn tập theo từng môn thi, giao trách nhiệm cụ thể cho giáo viên biên soạn nội dung ôn tập, ngân hàng câu hỏi và đề kiểm tra.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng ôn tập định kỳ; tổ chức các kỳ thi thử để học sinh làm quen với áp lực kỳ thi.

+ Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình ôn tập, kịp thời điều chỉnh khi cần thiết.

- Hình thức: Ôn tập với nhiều hình thức dạy trên lớp, hướng dẫn tự học, giao nhiệm vụ qua bài tập, tổ chức thảo luận nhóm.

- Phân công thực hiện

Khối	Môn	Phân công GV	Số tiết/tuần /lớp	Số học sinh tham gia	Số lớp
9	Toán	Trần Thị Thanh Hiền	4	39	02
	Ngữ Văn	Nguyễn Thị Tú	4	39	02
	Tiếng anh	Nguyễn Thị Huyền	2	39	02
	KHTN	Nguyễn Thị Thu Hà Lê Hồng Sơn	2	39	02

## 5. Các hoạt động giáo dục khác

### 5.1. Hoạt động hướng nghiệp, ngày hội hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT

- Thời gian: Tháng 11/2025 và tháng 3,4/2026

- Nội dung:

+ Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường vận động học sinh và phụ huynh theo học ở các trường nghề.

+ Phân công trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm khối lớp 9 nắm bắt thông tin từng học sinh qua những kỳ kiểm tra cuối năm, phối hợp với giáo viên bộ môn phân loại trình độ từng học sinh, từ đó định hướng cho các em lựa chọn thi tiếp vào THPT hoặc theo học nghề.

+ Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề tổ chức ngày hội hướng nghiệp cho học sinh.

- Hình thức: Tư vấn trực tiếp, ngoại khóa, sân khấu hóa.

## **5.2. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp**

- Thời gian: xuyên suốt năm học.

- Địa điểm: Sân trường, tại lớp học...

- Nội dung và hình thức: Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động: Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp cuối tuần, các tiết hoạt động giáo dục theo chủ đề, diễn đàn, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động thể thao, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội, ... thông qua đó nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống hàng ngày.

## **5.3. Hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao**

- Thời gian: 20/11, dịp Tết Nguyên đán, 26/3...

- Địa điểm: Sân trường, sân thể dục thể thao.

- Nội dung:

+ Tổ chức Liên hoan văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11).

+ Tổ chức ngày hội “Mừng Đảng Mừng Xuân” nhân dịp Tết Nguyên Đán.

+ Tổ chức giải bóng đá, bóng chuyền chào mừng kỉ niệm ngày thành lập Đoàn 26/3.

+ Tham dự đầy đủ, có hiệu quả các cuộc thi về TĐTT và các phong trào Đội do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

## **5.4. Hoạt động ngoại khóa Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên**

- Thời gian: Tháng 10/2025

- Địa điểm: Sân trường

- Nội dung:

+ Giới thiệu các kiến thức về giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh toàn trường.

+ Học sinh thảo luận, trả lời các câu hỏi, nêu thắc mắc cần giải đáp.

- Hình thức: Tư vấn trực tiếp, ngoại khóa, sân khấu hóa.

## **5.5. Giáo dục kỹ năng sống**

- Thời gian: Tháng 12/2025

- Địa điểm: Sân trường

- Nội dung: Thực hiện các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống: kỹ năng ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phòng vệ, kỹ năng sống tích cực, kỹ năng lái xe an toàn, lòng biết ơn và sự khiêm tốn...

- Hình thức: Diễn đàn kết hợp sân khấu hóa

## 5.6. Tổ chức hoạt động STEM

- Giáo viên thiết kế các bài học STEM triển khai trong quá trình dạy học các môn học thuộc chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận nội môn hoặc tích hợp liên môn.

- Nội dung bài học STEM bám sát nội dung chương trình của các môn học nhằm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo thời lượng quy định của các môn học trong chương trình.

- Học sinh thực hiện bài học STEM được chủ động nghiên cứu sách giáo khoa, tài liệu học tập để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua các hoạt động: lựa chọn giải pháp giải quyết vấn đề; thực hành thiết kế, chế tạo, thử nghiệm mẫu thiết kế; chia sẻ, thảo luận, hoàn thiện hoặc điều chỉnh mẫu thiết kế dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Thông qua việc triển khai và vận động học sinh tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật thúc đẩy việc gắn kiến thức lý thuyết và thực hành trong nhà trường với thực tiễn đời sống; đẩy mạnh thực hiện dạy học theo phương châm “học đi đôi với hành”. Giao nhiệm vụ cho bộ phận chuyên môn cùng với 2 tổ KHTN và tổ KHXH xây dựng kế hoạch, tổ chức thi cấp trường, lựa chọn sản phẩm tham dự thi các cấp theo văn bản hướng dẫn.

## 6. Khung thời gian hoạt động trong ngày

Tiểu học		THCS	
<b>Buổi sáng</b>		<b>Buổi sáng</b>	
Tiết 1	7h'15p- 7h'55p	Tiết 1	7h'15p - 8h'00p
Tiết 2	7h'55p – 8h'35p	Tiết 2	8h'05p - 8h'50p
Ra chơi giữa giờ		Ra chơi giữa giờ	
Tiết 3	8h'55p – 9h'35p	Tiết 3	9h'05p - 9h'50p
Tiết 4	9h'35p – 10h'15p	Tiết 4	9h'55p - 10h'40p
<b>Buổi chiều</b>		<b>Buổi chiều</b>	
Tiết 1	13h'15p – 13h'55p	Tiết 1	13h'15p- 14h'00p
Tiết 2	13h'55p – 14h'35p	Tiết 2	14h'05p -15h'50p
Ra chơi giữa giờ		Ra chơi giữa giờ	
Tiết 3	14h'35p – 15h'15p	Tiết 3	14h'05p -16h'50p

## IV. NHIỆM VỤ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

### 1. Nhiệm vụ chung

Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT); triển khai dạy học 2 buổi/ngày theo quy định.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, củng cố tu sửa

phòng học, phòng chức năng, khu vui chơi giải trí cho học sinh, phân công nhiệm vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên phù hợp tình hình thực tế của nhà trường.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội các cấp với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương.

## **2. Nhiệm vụ cụ thể**

### **2.1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường bảo đảm phù hợp với đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đáp ứng yêu cầu của CTGDPT. Bố trí thời gian thực hiện chương trình một cách khoa học, sư phạm, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh; bảo đảm đến cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Trong đó, thực hiện hiệu quả các nội dung sau:

a. Căn cứ vào CTGDPT, các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền đã ban hành<sup>5</sup> để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm tính thực tiễn, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy

---

<sup>5</sup> Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 1095/SGDĐT-GDMNTH ngày 30/6/2021 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 1002/SGDĐT GDTH ngày 29/6/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học. Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 2613/BGDĐT-GDTrH ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2021-2022; Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình; Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

định của Chương trình giáo dục phổ thông<sup>6</sup>; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày một cách hiệu quả, thiết thực, góp phần phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh<sup>7</sup>; cụ thể hóa các nội dung, thời lượng, thời gian, địa điểm, đối tượng học sinh được tổ chức học 2 buổi/ngày; phân công giáo viên hợp lý, khoa học, bảo đảm đúng quy định về thời gian làm việc, phù hợp với điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường. Trong kế hoạch giáo dục của nhà trường cần quan tâm đến việc phân hóa đối tượng học sinh, có giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức ôn tập hiệu quả cho học sinh cuối cấp, hỗ trợ học sinh có kết quả học tập chưa đạt yêu cầu theo quy định. Đồng thời bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình vào cuối năm học.

- Tiếp tục triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bảo đảm chất lượng, đạt mục tiêu chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn, năng lực đội ngũ và điều kiện dạy học của từng địa phương theo hướng dẫn của Bộ GDĐT<sup>8</sup>.

b. Xây dựng kế hoạch thực hiện hiệu quả văn hóa học đường gắn với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, trong đó tích hợp thiết thực các nội dung giáo dục về quyền con người, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục đạo đức liêm chính; giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; bình đẳng giới, chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa; bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số và các nội dung giáo dục tích hợp khác; đồng thời hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số.

## **2.2 Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục**

a. Thực hiện hiệu quả việc tổ chức rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới

---

<sup>6</sup> Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục Phổ thông; Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

<sup>7</sup> Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số 578/SGDĐT-GDTrH ngày 15/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

<sup>8</sup> Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT<sup>9</sup>. Ưu tiên thực hiện sắp xếp bố trí riêng biệt các khối phòng học, khối phụ trợ, sân chơi, bãi tập, thiết bị vận động và hệ thống phòng học bộ môn phù hợp với cấp học.

#### b. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Bố trí nguồn lực từng bước bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư phòng học thực hành, trải nghiệm STEM, từng bước hướng tới hiện đại hóa cơ sở vật chất cho giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của Bộ chính trị, Chính phủ và Bộ GDĐT.

Bố trí, bảo đảm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu để triển khai hiệu quả CTGDPT theo quy định; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, khắc phục tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, phát triển và khai thác kho học liệu số của địa phương và ngành giáo dục; đẩy mạnh việc sử dụng học liệu số hỗ trợ giáo viên trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

#### c. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

- Chủ động phối hợp với phụ huynh rà soát nhu cầu sách giáo khoa của học sinh theo từng khối lớp. Phối hợp với các nhà sách trên địa bàn tỉnh cung ứng sách giáo khoa một cách đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ, bảo đảm học sinh có sách học ngay từ đầu năm học.

- Rà soát, huy động, khai thác hiệu quả nguồn sách giáo khoa đã sử dụng từ các năm học trước, tổ chức bổ sung vào thư viện nhà trường để phục vụ nhu cầu mượn – đọc sách giáo khoa; đồng thời hướng dẫn giáo viên chủ động rà soát, điều chỉnh ngữ liệu trong bài học, chủ đề, ngữ liệu thực hành trong sách giáo khoa nhằm phù hợp với thực tiễn địa phương, đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp<sup>10</sup>.

Về tài liệu giáo dục địa phương: Sử dụng tài liệu giáo dục địa phương đã được điều chỉnh, lựa chọn nội dung, chủ đề phù hợp với tình hình giáo viên hiện có để thực hiện trong năm học 2025-2026<sup>11</sup>

#### d. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

---

<sup>9</sup> Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 28/8/2018 về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/02/2024 về việc hướng dẫn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024; Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024.

<sup>10</sup> Công văn số 885/SGDĐT-GDTrH ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi về việc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

<sup>11</sup> Công văn số 886/SGDĐT-GDMNTH ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung/chủ đề giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi năm học 2025-2026; Công văn số 852/SGDĐT-GDTrH ngày 03/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sử dụng và dạy học Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi cấp THCS, THPT năm học 2025-2026.

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên triển khai Chương trình

+ Tham mưu các cấp tuyển đúng, đủ giáo viên theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao<sup>12</sup>; không để xảy ra tình trạng có phân bổ biên chế mà không thực hiện tuyển dụng, gây ảnh hưởng đến việc dạy học. Chủ động ký hợp đồng giảng dạy để kịp thời bổ sung giáo viên số giáo viên còn thiếu do chưa tuyển dụng hoặc luân chuyển công tác; Bảo đảm đủ giáo viên để tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo CTGDPT; từng bước khắc phục dần tình trạng thiếu hoặc bố trí, sử dụng giáo viên không phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

+ Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên; đồng thời xây dựng cơ chế huy động các nghệ nhân, nghệ sĩ... trên địa bàn trường đóng chân tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đặc biệt trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống. Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo yêu cầu của CTGDPT.

- Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và tăng cường hoạt động sinh hoạt chuyên môn

+ Tiếp tục rà soát, bổ sung, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán các môn học và hoạt động giáo dục tại trường để thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng theo hướng thường xuyên, liên tục ngay tại trường<sup>13</sup>. Gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, phát hiện kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa theo thẩm quyền. Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

+ Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn nhằm bồi dưỡng giáo viên năng động, hiệu quả, sát với nhu cầu thực tiễn.

+ Nhà trường chủ động, sáng tạo trong việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên dạy môn ngoại ngữ, dạy môn học khác bằng ngoại ngữ, dạy chương trình giáo dục tích hợp, đặc biệt là tiếng Anh, nhằm tiến tới đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

### **2.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển năng lực số**

a. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

---

<sup>12</sup> Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen Về việc giao biên chế công chức cho các cơ quan hành chính và số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập của xã Măng Đen năm 2025.

<sup>13</sup> Quyết định số 691/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Tổ nghiệp vụ bộ môn bậc trung học cấp tỉnh.

Chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, tăng cường năng lực tự học, trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, hướng học sinh phát huy năng lực tư duy giải quyết vấn đề; thực hiện hiệu quả việc lựa chọn linh hoạt, phù hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên cơ sở đặc điểm nội dung bài học, yêu cầu cần đạt của chương trình và đối tượng học sinh; phát huy vai trò của giáo viên trong việc tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh chủ động, tích cực, tự giác và phát triển năng lực tự học trong suốt quá trình học tập. Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, bảo đảm tính hấp dẫn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường, góp phần tạo hứng thú học tập và phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất học sinh.

Tăng cường bồi dưỡng, phát triển năng lực cho giáo viên trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để áp dụng hiệu quả đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học trong bối cảnh hiện nay.

#### b. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện việc đánh giá học sinh theo đúng quy định<sup>14</sup>. Trong đó nhà trường yêu cầu giáo viên chú trọng đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Quá trình đánh giá phải đảm bảo vì sự tiến bộ của học sinh, gắn với yêu cầu cần đạt của chương trình và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, trình độ nhận thức, đảm bảo tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của các em. Đồng thời giáo viên tích hợp linh hoạt các hình thức đánh giá như vấn đáp, viết, thực hành, quan sát, sản phẩm học tập, bài kiểm tra trên giấy hoặc trực tuyến, nhằm phản ánh toàn diện quá trình học tập và kết quả rèn luyện của học sinh.

- Các hoạt động đánh giá cần được thiết kế có mục tiêu rõ ràng, tiêu chí cụ thể, hướng dẫn chấm điểm minh bạch, thông báo trước về yêu cầu và hình thức thực hiện để HS chủ động tham gia. Đồng thời, chú trọng đánh giá các nội dung giáo dục tích hợp về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, đạo đức liêm chính, an toàn giao thông, quyền con người, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, ... nhằm hình thành, phát triển năng lực công dân, góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh. Cụ thể:

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

- Luôn chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở GDPT và cơ sở giáo dục thường xuyên, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực

<sup>14</sup> Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về Quy định đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

của học sinh.

c. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT giai đoạn 2018-2025, tổ chức khảo sát nhu cầu học tập các môn học lựa chọn, cụm chuyên đề học tập của học sinh lớp 9 để chủ động chuẩn bị cho học sinh vào học lớp 10; tăng cường tư vấn hướng nghiệp theo định hướng nghề nghiệp cấp trung học phổ thông.

Xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu, năng lực của học sinh và điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường. Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm nghề nghiệp gắn với thực tiễn; chủ động tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp trong các môn học và hoạt động giáo dục theo CTGDPT; Chú trọng việc xây dựng và thực hiện các chủ đề/bài học STEM đối với một số môn học phù hợp nhằm phát huy tối đa tính tích cực, chủ động của học sinh trong quá trình tổ chức dạy học và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Định hướng hiệu quả việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở theo học các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh; tạo môi trường hỗ trợ khởi nghiệp trong trường học; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh.

Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn hướng nghiệp bảo đảm đủ về số lượng, có chuyên môn phù hợp và được bồi dưỡng thường xuyên; tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về kỹ năng tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ giáo dục hướng nghiệp toàn diện, thiết thực, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác truyền thông, cung cấp thông tin thị trường lao động, ngành nghề đào tạo để hỗ trợ học sinh lựa chọn nghề nghiệp, định hướng phân luồng phù hợp sau THCS, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển bền vững nguồn lực địa phương.

d. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

- *Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục*

+ Thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai thực hiện hiệu quả Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và

đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030”<sup>15</sup> phù hợp với kế hoạch, chương trình hành động của ngành giáo dục và Kế hoạch chuyển đổi số tại địa phương<sup>16</sup>. Chú trọng thực hiện giáo dục kỹ năng số và triển khai đồng bộ học bạ số trong nhà trường. Cán bộ, giáo viên được tập huấn, rèn luyện thao tác trên các nền tảng số, biết sử dụng phần mềm quản lý, công cụ trực tuyến phục vụ giảng dạy và lưu trữ dữ liệu. Học sinh được hướng dẫn khai thác Internet an toàn, tìm kiếm và xử lý thông tin hiệu quả, từ đó hình thành thói quen học tập trong môi trường số. Song song, việc áp dụng học bạ số đã được triển khai đến toàn bộ học sinh, đảm bảo cập nhật thông tin chính xác, kịp thời, giảm tải hồ sơ giấy và thuận tiện cho việc quản lý, tra cứu dữ liệu. Những kết quả đạt được không chỉ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và học tập mà còn góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục của nhà trường.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch CNTT và chuyển đổi số tập trung vào hai nhiệm vụ trọng tâm là giáo dục kỹ năng số và triển khai học bạ số. Về giáo dục kỹ năng số, nhà trường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên nhằm nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý; đồng thời trang bị cho học sinh kỹ năng khai thác thông tin, sử dụng công cụ số an toàn, sáng tạo và hiệu quả. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành. Nội dung này cũng sẽ được lồng ghép trong các tiết học và hoạt động trải nghiệm để giúp học sinh hình thành thói quen học tập, làm việc trong môi trường số. Về triển khai học bạ số, nhà trường sẽ tiến hành cập nhật dữ liệu đầy đủ, đồng bộ và thường xuyên đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, kịp thời, minh bạch. Việc áp dụng học bạ số không chỉ giảm tải hồ sơ giấy, tiết kiệm thời gian mà còn hỗ trợ phụ huynh và học sinh thuận tiện trong việc theo dõi kết quả học tập. Hai nhiệm vụ trên được coi là bước đi quan trọng trong lộ trình chuyển đổi số của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học cũng như hiện đại hóa công tác quản lý giáo dục.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và tổ chức dạy học linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động chuyên môn dưới hình thức trực tuyến như dạy học, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, hội thảo; triển khai các nền tảng hỗ trợ đào tạo giáo viên qua mạng, xây dựng nội dung tập huấn đáp ứng thực tiễn. Chủ động xây dựng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh hoặc các tình huống bất thường, bảo đảm duy trì hoạt động giáo dục liên tục, không gián đoạn, hướng đến mục tiêu “giáo dục trong mọi hoàn cảnh”.

*- Triển khai thực hiện Khung năng lực số, Học bạ số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) đổi mới công tác quản lý giáo dục.*

<sup>15</sup> Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”

<sup>16</sup> Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen về việc Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn năm 2025; Kế hoạch số 197/KH-SGDĐT ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số của Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025.

+ Thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh phổ thông theo hướng dẫn của Sở GDĐT theo Công văn số 405/SGDĐT-GDTrH ngày 06/8/2025 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên, bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. Thực hiện nhiệm vụ về Học bạ số theo hướng dẫn của Sở GDĐT<sup>17</sup> và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

+ Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hóa công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho cán bộ, giáo viên. Khai thác, sử dụng hiệu quả AI trong hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa học tập, nhận diện học sinh cần hỗ trợ, đánh giá chính sách góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả quản trị nhà trường.

Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về vai trò của thực hiện Khung NLS trong hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh theo Chương trình GDPT 2018<sup>18</sup> thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

## **2.4. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục**

### **a. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục**

- Tiếp tục tham mưu thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT. Tham mưu UBND xã kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục<sup>19</sup>, xóa mù chữ trên địa bàn xã bảo đảm hoạt động thường xuyên, hiệu quả; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để thống nhất chỉ đạo, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ<sup>20</sup>.

- Phối hợp với các trung tâm học tập cộng đồng để tổ chức các lớp dạy học chương trình xóa mù chữ và triển khai các giải pháp phù hợp khuyến khích đối

<sup>17</sup> Công văn số 119/BGDĐT-GDTH ngày 10/01/2025 của BGDĐT hướng dẫn thực hiện Học bạ số cấp tiểu học; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của BGDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số.

<sup>18</sup> Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 Quy định Khung năng lực số (NLS) cho người học; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn triển khai khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 405/SGDĐT-GDTrH ngày 6 tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên

<sup>19</sup> Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen về việc thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã Măng Đen.

<sup>20</sup> Công văn số 21-CV/BXĐĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ban Xây dựng Đảng ủy xã Măng Đen về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã

tượng xóa mù chữ tham gia học tập<sup>21</sup>

- Cử Cán bộ, giáo viên phụ trách công tác phổ cập của đơn vị tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ điều tra, cập nhật dữ liệu vào hệ thống phổ cập giáo dục, xóa mù chữ khi có triệu tập; Hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ bảo đảm khoa học, đầy đủ, đúng quy định. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục.

b. Triển khai các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS và dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một

- Tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng DTTS

Tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”<sup>22</sup> và Kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên cơ sở tiếng mẹ đẻ<sup>23</sup>. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 và Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ)<sup>24</sup>, Kế hoạch số 111/KH-SGDĐT ngày 19/9/2022 của Sở GDĐT và Kế hoạch số 790/KH-UBND ngày 22/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ)<sup>25</sup>.

Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; tổ chức triển khai các hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học dân tộc thiểu số hàng năm; tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học dân tộc thiểu số linh hoạt, phù hợp với điều kiện của trường; tăng cường kiểm tra, giám sát, tư vấn, hỗ trợ việc triển khai các hoạt động tăng cường Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học dân tộc thiểu số, việc dạy học tăng cường Tiếng Việt theo các tài liệu đã được Bộ GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt.

Tiếp tục triển khai tập huấn, bồi dưỡng năng lực dạy học tiếng Việt lớp 2, lớp 3 cho cán bộ quản lý và giáo viên trong năm học 2025 - 2026 nhằm nâng cao

---

<sup>21</sup> Khai thác hiệu quả Kênh “Bình dân học vụ” và các ứng dụng công nghệ để hỗ trợ giáo viên và người dân trong công tác xóa mù chữ trên địa bàn

<sup>22</sup> Theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 5006/QĐ - BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT về việc ban hành Kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên cơ sở tiếng mẹ đẻ; Kế hoạch số 149/KH-BGDĐT ngày 14/02/2023 về việc tổ chức cách hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số năm học 2023- 2024; Công văn số 825/BGDĐT-GDTH ngày 02/3/2023 về việc Hướng dẫn tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số và sơ kết giai đoạn 2 Đề án.

<sup>23</sup> Quyết định 5006/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 Kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên cơ sở tiếng mẹ đẻ

<sup>24</sup> Về việc thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

<sup>25</sup> Kế hoạch số 790/KH-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về Triển khai, thực hiện Giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ tỉnh Kon Tum.

hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt.

- Tổ chức dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

Triển khai dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học Tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức dạy học Tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 phù hợp với điều kiện của trường; kịp thời khen thưởng, biểu dương các cá nhân thực hiện tốt nhằm phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học Tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1; theo dõi, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 tại trường; tổng hợp và báo cáo kết quả tổ chức thực hiện dạy học về Sở GDĐT theo yêu cầu.

b. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

- Chỉ đạo các bộ phận thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật theo quy định<sup>26</sup>; xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật<sup>27</sup> thông qua việc điều chỉnh chương trình học phù hợp với nhu cầu, khả năng của từng em; tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm giáo viên cập nhật phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh khuyết tật theo hướng linh hoạt, hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ, căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế của học sinh khuyết tật trong nhà trường.

- Chủ động triển khai các hoạt động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong năm học, bao gồm hỗ trợ tài chính, học bổng, chi phí học tập, sách vở, đồ dùng học tập và các hình thức hỗ trợ khác nhằm bảo đảm điều kiện học tập tối thiểu. Đồng thời tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển năng lực cá nhân, nâng cao kỹ năng sống và sự tự tin cho học sinh, góp phần thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng.

c. Thực hiện hiệu quả lớp học linh hoạt, lớp ghép

Căn cứ số lượng học sinh tại các điểm trường lẻ, xây dựng phương án tổ chức các lớp học linh hoạt, lớp ghép dạy học<sup>28</sup> trên cơ sở dựa vào kết quả đánh giá năng lực, trình độ và khả năng tiếp thu của học sinh để thực hiện các hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh để bảo đảm quyền lợi và thuận lợi cho việc học tập của học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số

<sup>26</sup> Công văn số 1273/SGDĐT- GDMNTH ngày 28 thags 9 năm 2025 V/v Hướng dẫn công tác người khuyết tật và giáo dục hòa nhập từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh.

<sup>27</sup> Có tổng số 5 học sinh khuyết tật. Trong đó: có 2 em bậc Tiểu học (Y Hương Mẫn và A Hoàng Việt); 3 em học sinh THCS (Y Hạo Nô, A Tháng, Y Na Chi).

<sup>28</sup> Năm học 2025-2026, nhà trường có tổng 4 lớp ghép ở bậc Tiểu học thuộc các điểm lẻ Vi Ring, Rô Xia, Vi ro ngheo và Đăk Prô

## **2.5. Tiếp tục đổi mới trong công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra**

- Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý trong các cơ sở giáo dục
  - + Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn; thực hiện nhập liệu, khai thác, sử dụng thống nhất cơ sở dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.
  - + Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý dạy thêm, học thêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT. Quán triệt đến đội ngũ giáo viên, nhân viên không được lợi dụng vị trí công tác để ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua sách, tài liệu tham khảo. Tổ chức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi, bảo đảm chất lượng, thiết thực, đúng quy định; thực hiện hiệu quả, đúng quy định công tác tuyển sinh đầu cấp theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT; tổ chức tốt các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường và tham gia nghiêm túc các kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp trên tổ chức.
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng các nội dung kiểm tra: Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa, quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo; công tác quản lý hoạt động dạy học
  - Tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến trong công tác dạy học và quản lý tại đơn vị nhằm bảo đảm tính lan tỏa, hiệu quả, thiết thực, phù hợp điều kiện địa phương; gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” nhằm tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

## **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Thực hiện đổi mới chương trình GDPT, đổi mới PPDH, kiểm tra, đánh giá.**

- Tổ chức thực hiện chương trình GDPT 2018 theo Thông tư 32/2018 của Bộ GDĐT phù hợp với tình hình thực tế để học sinh học lên lớp 10.
- Đổi mới phương pháp dạy học chuyển từ lối “truyền thụ một chiều” sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ giáo viên - học sinh theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội.
- Phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của học sinh, hình thành và phát triển năng lực tự học, trau dồi các phẩm chất linh hoạt, độc lập, sáng tạo của tư duy. Chọn lựa một cách linh hoạt các phương pháp chung và phương pháp đặc thù của môn học để thực hiện. Việc lựa chọn phương pháp dạy học gắn chặt với các hình thức tổ chức dạy học.

- Đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình dạy học thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập; phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh

- Thường xuyên sử dụng phương tiện dạy học nhằm tăng cường tính trực quan và thí nghiệm, thực hành trong dạy học. Tăng cường việc sử dụng các phương tiện dạy học tự làm của giáo viên.

## **2. Đổi mới quản lý giáo dục**

- Đổi mới phương pháp quản lý của người đứng đầu: Hiệu trưởng giao nhiệm vụ, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, khen thưởng và kỷ luật nhằm đảm bảo cho tất cả mọi thành viên trong trường có điều kiện để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ cũng như quyền hạn của mình; phát huy tối đa mọi tiềm năng, nội lực và ngoại lực của cộng đồng trong việc tham gia xây dựng, phát triển kế hoạch giáo dục nhà trường. Từ đó mà đổi mới cách làm việc từ lãnh đạo các đoàn thể, lãnh đạo các tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và cả từng giáo viên bộ môn

- Phân cấp quản lý, giao quyền quản lý và đề cao trách nhiệm cho đội ngũ tổ trưởng, tổ phó, người được giao phụ trách từng lĩnh vực (thư viện, thiết bị - thí nghiệm,...)

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chú trọng kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục, quy chế chuyên môn của đội ngũ. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học

## **3. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Sử dụng nguồn cơ sở vật chất hiện có của nhà trường một cách phù hợp, trong đó chú trọng đến việc: sắp xếp đủ phòng học, phòng thực hành các môn (KHTN, Công nghệ, Tin học, Tiếng Anh); sử dụng tối đa và có hiệu quả bộ thiết bị dạy học được cấp phát, làm thêm thiết bị dạy học trong quá trình giảng dạy; mua sắm thiết bị bổ sung.

- Tham mưu với chính quyền địa phương có kế hoạch đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất để đảm bảo nhu cầu thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường.

## **4. Bố trí, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ**

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Bộ GDĐT.

- Bố trí, sử dụng nguồn CBQL, GV, NV hiện có của đơn vị đúng, phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, năng lực, sở trường và thực tế nhiệm vụ giáo dục tại đơn vị

- Sử dụng có hiệu quả nguồn định mức giảng dạy được giao: Lựa chọn giáo viên được đào tạo theo đúng vị trí giảng dạy cần hợp đồng, quản lý và sử dụng số định mức như giáo viên biên chế.

- Xây dựng quy chế làm việc, quy chế chuyên môn, tiêu chuẩn đánh giá xếp loại giáo viên và đưa vào thực hiện.

## **5. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục**

- Tập trung vào 2 nội dung chủ đạo: chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá học sinh.

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể CBQL, GV, NV.

- Đẩy mạnh khai thác CSDL ngành, các phần mềm quản lý, các dịch vụ công trực tuyến để phục vụ người dân; thực hiện số hóa triệt để các hồ sơ điện tử đã được triển khai; hoạt động chỉ đạo, điều hành, họp, tập huấn,... vận dụng tối đa trên môi trường mạng.

- Tăng cường đầu tư CSVC, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị CNTT thiết thực phục vụ dạy – học; phát triển học liệu số, thiết bị dạy học số (phục vụ dạy – học, kiểm tra, đánh giá học sinh).

- Bồi dưỡng đội ngũ có kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

## **6. Nâng cao chất lượng dạy học**

- Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học theo văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, trong kế hoạch chỉ rõ các chỉ tiêu, đề xuất các giải pháp thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém.

- Tổ chức khảo sát năng lực học sinh lớp 9 với các môn thi tuyển sinh vào lớp 10.

## **7. Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống**

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, giáo viên và sinh hoạt tập thể đầu năm học cho học sinh theo kế hoạch nhiệm vụ năm học của Ngành; bồi dưỡng kiến thức lý luận, tư tưởng, pháp luật, lịch sử văn hóa cho cán bộ quản lý, giáo viên giảng dạy bộ môn Giáo dục công dân, giáo viên làm công tác Đoàn, Đội.

- Quán triệt chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2025; tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, nhà giáo và học sinh tích cực tham gia cuộc thi trực tuyến “Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2025.

- Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh; quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với học sinh trên môi trường mạng.

- Thường xuyên quan tâm giáo dục chủ quyền, biển đảo Việt Nam gắn liền với giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước cho học sinh; triển khai dạy học tại di sản nhằm vun đắp, củng cố nền tảng, bản sắc văn hóa, truyền thống văn hóa dân tộc, địa phương, sức mạnh dân tộc, khơi dậy lòng tự hào quê hương đất nước, có khát vọng cống hiến cho học sinh; thực hiện Lễ chào cờ đầu tuần.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử

trong trường học” theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng môi trường văn hóa, quy định về văn hóa ứng xử trong nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả các giải pháp xây dựng “Trường học hạnh phúc”, giáo dục thông điệp nhà trường.

### **8. Ký cam kết thi đua thực hiện các chỉ tiêu**

- Xây dựng Quy chế thi đua trong năm học 2025-2026 theo các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của cấp trên.

- Tổ chức đăng ký, cam kết thi đua từ đầu năm học.

- Phát động các phong trào thi đua trong nhà trường dành cho cán bộ, giáo viên và học sinh.

### **9. Công tác phối hợp**

- Phối hợp với các đơn vị, cơ quan, ban ngành ở địa phương như Công an, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh,... hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động giáo dục như: giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục địa phương, giáo dục lý tưởng cách mạng,...

- Huy động sự ủng hộ, giúp đỡ của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp chính khóa, trải nghiệm, hướng nghiệp,...

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hiệu trưởng**

- Xây dựng dự thảo kế hoạch trên cơ sở tổng hợp kế hoạch giáo dục từ các tổ chuyên môn; tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch; phê duyệt kế hoạch và triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch đến toàn thể CBQL, GV, NV.

- Quản lý, chỉ đạo chung việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện của các bộ phận, tổ chuyên môn và giáo viên.

- Ban hành quyết định kiện toàn các Tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng; bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó.

- Ban hành quyết định và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên CBQL, GV, NV trong năm học.

- Tham mưu, phối hợp, liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường để tổ chức hoạt động giáo dục hiệu quả.

- Chỉ đạo chung các hoạt động chuyên môn để thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà trường.

### **2. Các Phó Hiệu trưởng**

- Tham mưu với Hiệu trưởng trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; trực tiếp xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; trực tiếp chỉ

đạo và quản lý các tổ/nhóm chuyên môn thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; phối hợp với các tổ chuyên môn kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch của giáo viên; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường từng tháng để có biện pháp tham mưu với Hiệu trưởng kịp thời.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác giáo dục học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động chuyên môn để thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà trường.

### **3. Các tổ trưởng chuyên môn**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn bám sát với các văn bản chỉ đạo; tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn, duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học môn học, tích hợp liên môn của các môn học do tổ phụ trách.

- Duy trì tổ chức sinh hoạt chuyên môn tối thiểu 2 lần/tháng: chú trọng chỉ đạo các giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá; nghiên cứu bài học,...

- Cùng với Lãnh đạo nhà trường tổ chức và tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của các tổ viên.

### **4. Tổng phụ trách Đội**

- Tham mưu Ban Giám hiệu xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp chính khóa, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ cho học sinh các khối/lớp.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động sinh hoạt dưới cờ đầu tuần, tham mưu với hiệu trưởng về việc phân công các thành viên phối hợp thực hiện.

- Quản lý và theo dõi nề nếp học sinh nhà trường; phụ trách công tác thi đua của học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua cho các hoạt động thi đua.

### **5. Giáo viên**

- Nghiên cứu kỹ, nắm vững Chương trình GDPT 2018 và thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh và thực tiễn của đơn vị.

- Tổ chức các hoạt động dạy học theo môn học/HĐGD (giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học).

- Phối hợp các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp chính khóa, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ.

## 6. Nhân viên

- Tham mưu với hiệu trưởng về kế hoạch mua sắm, bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo yêu cầu của Chương trình GDPT.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động của thư viện; tổ chức giới thiệu sách, thiết bị đến giáo viên và học sinh; khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

- Tham mưu tổ chức Ngày hội Đọc, hội thi Kể chuyện theo sách, Hội thi Đồ dùng dạy học tự làm,...

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường TH&THCS Đăk Tăng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, đề nghị các bộ phận chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

### *Nơi nhận:*

- UBND xã (b/cáo);
- Phòng VH-XH (b/cáo);
- Chuyên môn nhà trường (t/hiện);
- Tổ CM, GV (t/hiện);
- Lưu VT.

### HIỆU TRƯỞNG



**Phan Văn Nam**